

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 54/2004/QĐ-BTC ngày 16/6/2004 về việc ban hành Danh mục chi tiết các chương trình, dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2957/VPCP-KTTH ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định về Danh mục chi tiết các chương trình, dự

án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Danh mục chi tiết các chương trình, dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được áp dụng thống nhất kể từ ngày Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các dự án đầu tư có trong danh mục nêu trên, có nhu cầu vay vốn và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định đều được xem xét cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước từ Quỹ Hỗ trợ phát triển để đầu tư dự án.

Điều 3. Thời hạn ký kết hợp đồng tín dụng giữa chủ đầu tư có dự án thuộc danh mục nêu trên với Quỹ Hỗ trợ phát triển đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển; Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Lê Thị Băng Tâm

**DANH MỤC CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH VAY VỐN
TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC**
(ban hành kèm theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BTC
ngày 16/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Số thứ tự	Đối tượng vay vốn theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP	Đối tượng vay vốn chi tiết	Địa bàn thực hiện dự án
	I. Các dự án cho vay đầu tư theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt:		
01	Các dự án trồng rừng nguyên liệu giấy, bột giấy, ván nhân tạo tập trung gắn liền với các doanh nghiệp chế biến	Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy, bột giấy, ván nhân tạo tập trung mà chủ đầu tư và các doanh nghiệp chế biến đã ký kết hợp đồng về tiêu thụ sản phẩm từ dự án trồng rừng nguyên liệu.	Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo danh Mục B, C quy định của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), sau đây gọi tắt là địa bàn B và C.
02	Các dự án sản xuất giống gốc, giống mới sử dụng công nghệ cao.	Dự án sản xuất giống gốc, giống mới sử dụng công nghệ cao gồm: - Giống gia súc: giống cừ, ky, ông bà, đàn thuần, đàn hạt nhân gắn với sản xuất kinh doanh giống thương phẩm công nghệ cao. - Giống gia cầm: các dòng thuần, ông bà, bố mẹ gắn với sản xuất kinh doanh giống thương phẩm công nghệ cao. - Giống cây ăn quả, cây lương thực, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp:	Không phân biệt địa bàn

Số thứ tự	Đối tượng vay vốn theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP	Đối tượng vay vốn chi tiết	Địa bàn thực hiện dự án
		<p>các cây đầu dòng, siêu nguyên chủng, nguyên chủng, bố mẹ gắn với sản xuất kinh doanh giống thương phẩm công nghệ cao.</p> <p>- Giống thủy, hải sản: bao gồm sản xuất kinh doanh dòng bố mẹ, bột, ương, hương và sản xuất kinh doanh con giống nuôi trồng các loại thủy, hải sản công nghệ cao</p>	
03	Các dự án cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt	Các dự án cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt	Không phân biệt địa bàn
04	Các dự án đầu tư sản xuất và chế biến muối công nghiệp.	Các dự án đầu tư sản xuất và chế biến muối công nghiệp.	Không phân biệt địa bàn
05	Các dự án đầu tư sản xuất kháng sinh.	Dự án đầu tư sản xuất thuốc kháng sinh phục vụ chữa bệnh cho người.	Không phân biệt địa bàn
06	Các dự án đầu tư trường dạy nghề.	Dự án đầu tư trường dạy nghề (kể cả trang bị lần đầu phương tiện, thiết bị phục vụ cho giảng dạy).	Khu vực nông thôn
07	Các dự án đầu tư nhà máy dệt, in nhuộm hoàn tất.	Dự án đầu tư nhà máy dệt, in nhuộm hoàn tất bao gồm các nhà máy riêng lẻ và nhà máy hỗn hợp, các phân xưởng dệt và in nhuộm hoàn tất.	Không phân biệt địa bàn
08	- Các dự án sản xuất phôi thép từ quặng, thép chuyên dùng chất lượng cao.	- Các dự án đầu tư sản xuất phôi thép từ quặng kể cả trường hợp đầu tư khai thác quặng gắn liền	Không phân biệt địa bàn

Số thứ tự	Đối tượng vay vốn theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP	Đối tượng vay vốn chi tiết	Địa bàn thực hiện dự án
	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án khai thác và sản xuất nhôm. 	<ul style="list-style-type: none"> với đầu tư sản xuất phôi thép từ quặng khai thác. - Các dự án đầu tư sản xuất thép chế tạo. - Các dự án khai thác quặng bôxít; sản xuất nhôm và nhôm từ quặng bôxít. 	
09	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án sản xuất ô tô trở khách loại 25 chỗ ngồi trở lên với tỷ lệ nội địa hóa tối thiểu 40%. - Các dự án đầu tư đóng mới toa xe đường sắt tại các cơ sở sản xuất trong nước. - Các dự án sản xuất lắp ráp đầu máy xe lửa. - Các dự án đầu tư nhà máy đóng tàu biển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án sản xuất động cơ, hộp số, cụm chuyển động cho ô tô các loại với tỷ lệ nội địa hóa tối thiểu 40%. - Các dự án đầu tư đóng mới toa xe đường sắt tại các cơ sở sản xuất trong nước. - Các dự án sản xuất và lắp ráp đầu máy xe lửa. - Các dự án đầu tư nhà máy đóng tàu biển có khả năng đóng tàu trọng tải từ 10.000 tấn trở lên. 	Không phân biệt địa bàn
10	Các dự án sản xuất động cơ diesel loại từ 300 CV trở lên.	Dự án sản xuất động cơ diesel loại từ 300CV trở lên.	Không phân biệt địa bàn
11	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án sản xuất sản phẩm cơ khí nặng, mới. - Các dự án đúc với quy mô lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm cơ khí nặng, mới gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư sản xuất thiết bị đồng bộ các nhà máy xi măng, giấy, phân đạm, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí. + Đầu tư sản xuất máy công cụ. - Các dự án đúc có quy mô công suất từ 10.000 tấn/năm trở lên. 	Không phân biệt địa bàn

Số thứ tự	Đối tượng vay vốn theo Nghị định số 106/2004/NĐ-CP	Đối tượng vay vốn chi tiết	Địa bàn thực hiện dự án
12	Các dự án xây dựng các nhà máy thủy điện lớn: Phục vụ cho di dân và chế tạo thiết bị trong nước.	Các dự án xây dựng các nhà máy thủy điện có công suất từ 50 MW trở lên đối với những hạng mục công việc sau: - Phục vụ di dân, giải phóng mặt bằng; - Mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục gian máy, cửa dẫn nước ra, tuốcbin, máy phát.	Địa bàn B, C.
13	Các dự án sản xuất phân đạm, DAP.	Các dự án đầu tư sản xuất phân đạm, DAP.	Không phân biệt địa bàn
14	Vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA cho vay lại.	Vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA cho vay lại.	Không phân biệt địa bàn
	<p>II. Chương trình, mục tiêu đặc biệt của Chính phủ thực hiện theo phương thức ủy thác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiên cố hóa kênh mương. - Cho vay phần tôn nền diện tích xây dựng nhà ở cho các hộ dân các tỉnh đồng bằng Cửu Long. - Các chương trình khác (kể cả cho vay lại vốn ODA) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên cố hóa kênh mương. - Cho vay phần tôn nền diện tích xây dựng nhà ở cho các hộ dân các tỉnh đồng bằng Cửu Long. - Các chương trình khác (kể cả cho vay lại vốn ODA) 	Theo ủy quyền của Chính phủ